Phụ lục III

DANH MỤC DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN CÒN LẠI THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP TỈNH LAI CHÂU

(kèm theo Quyết định số 2504/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Lai Châu)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DÙNG CHUNG (01 TTHC)

STT	Mã TTHC	Lĩnh vực, tên thủ tục hành chính	Số lượng	Phí/ lệ phí		
				Phí	Lệ phí	Không
	QUỐC TỊCH		**01**	**0**	**01**	**0**
1	2.001895.000.00.00.H35	Thủ tục cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam			x	

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (10 TTHC)

STT	Mã TTHC	Lĩnh vực, tên thủ tục hành chính	Số lượng	Phí/ lệ phí		
				Phí	Lệ phí	Không
	TỔNG		**10**	**02**	**08**	**01**
I	**CHỨNG THỰC (03 TTHC)**		**03**	**02**	**0**	**01**
1	2.000908.000.00.00.H35	Cấp bản sao từ sổ gốc				x
2	2.000815.000.00.00.H35	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận		x		

STT	Mã TTHC	Lĩnh vực, tên thủ tục hành chính	Số lượng	Phí/ lệ phí		
				Phí	Lệ phí	Không
3	2.000884.000.00.00.H35	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)		x		
II	**QUỐC TỊCH (04 TTHC)**		**04**	**0**	**04**	**0**
1	2.002039.000.00.00.H35	Thủ tục nhập quốc tịch Việt Nam			x	
2	2.002038.000.00.00.H35	Thủ tục trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước			x	
3	2.002036.000.00.00.H35	Thủ tục thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước			x	
4	1.005136.000.00.00.H35	Thủ tục cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước			x	
III	**NUÔI CON NUÔI (03 TTHC)**		**03**	**0**	**03**	**0**
1	1.003976.000.00.00.H35	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng			x	
2	1.004878.000.00.00.H35	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha dượng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi			x	
3	1.003160.000.00.00.H35	Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi			x	

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (21 TTHC)

STT	Mã TTHC	Lĩnh vực, tên thủ tục hành chính	Số lượng	Phí/ lệ phí		
				Phí	Lệ phí	Không
	TỔNG		**21**	**12**	**0**	**09**
I	**LĨNH VỰC HỘ TỊCH (03 TTHC)**		**03**	**0**	**0**	**03**
1	1.003583.000.00.00.H35	Đăng ký khai sinh lưu động				**x**
2	1.000593.000.00.00.H35	Đăng ký kết hôn lưu động				**x**
3	1.000419.000.00.00.H35	Đăng ký khai tử lưu động				**x**
II	**CHỨNG THỰC (13 TTHC)**		**13**	**12**	**0**	**01**
1	2.001035.000.00.00.H35	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở		**x**		
2	2.001019.000.00.00.H35	Chứng thực di chúc		**x**		
3	2.001016.000.00.00.H35	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản		**x**		
4	2.001406.000.00.00.H35	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở		**x**		
5	2.001009.000.00.00.H35	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở		**x**		
6	2.000913.000.00.00.H35	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch		**x**		

STT	Mã TTHC	Lĩnh vực, tên thủ tục hành chính	Số lượng	Phí/ lệ phí		
				Phí	Lệ phí	Không
7	2.000927.000.00.00.H35	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch		**x**		
8	2.000942.000.00.00.H35	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực		**x**		
9	2.000992.000.00.00.H35	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã		**x**		
10	2.001008.000.00.00.H35	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã		**x**		
11	2.000908.000.00.00.H35	Cấp bản sao từ sổ gốc				**x**
12	2.000815.000.00.00.H35	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận		**x**		
13	2.000884.000.00.00.H35	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)		**x**		

STT	Mã TTHC	Lĩnh vực, tên thủ tục hành chính	Số lượng	Phí/ lệ phí		
				Phí	Lệ phí	Không
III	**HOÀ GIẢI Ở CƠ SỞ (5 TTHC)**		**05**	**0**	**0**	**05**
1	2.000424.000.00.00.H35	Thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải ở cơ sở				**x**
2	1.002211.000.00.00.H35	Thủ tục Công nhận hòa giải viên				**x**
3	2.000950.000.00.00.H35	Thủ tục Công nhận tổ trưởng tổ hòa giải				**x**
4	2.000930.000.00.00.H35	Thủ tục Thôi làm hòa giải viên				**x**
5	2.002080.000.00.00.H35	Thủ tục Thanh toán thù lao cho hòa giải viên				**x**